

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **52/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/11/2022

V/v tranh chấp "*không công nhận vợ chồng*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo.
2. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "*không công nhận vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đoàn V M**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: K3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn T L**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: K3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Ông M có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt lần thứ hai, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/10/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn V M trình bày:**

Ông và bà Nguyễn T L tự tìm hiểu, quen nhưng do hai bên gia đình không đồng ý cho kết hôn nên ông, bà không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới mà tự về sống chung với nhau như vợ chồng tại K3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào năm 1994 cho đến nay.

Thời gian đầu sống chung giữa ông, bà không phát sinh mâu thuẫn gì. Đến khoảng đầu năm 2020, do bà L đòi mua xe máy mới và muốn đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng gia đình không thống nhất nên từ đó gia đình và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung. Trong thời gian này, ông và gia đình phát hiện bà L có quan hệ tình cảm với người khác, việc này bà L cũng đã thừa nhận cùng với gia đình. Từ đó tình cảm giữa ông, bà đã rạn nứt và cũng không còn quan tâm đến nhau.

Hiện ông và bà L đã sống ly thân, không còn qua lại. Nay nhận thấy tình cảm đã không còn, không thể nào hàn gắn được nữa, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L.

- Về con chung: Quá trình sống chung, ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L có 01 con chung là anh Đoàn V T, sinh năm 1995. Hiện anh T đã thành niên, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn bà Nguyễn T L:**

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bà Nguyễn T L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của ông Đoàn V M. Tuy nhiên bà L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với ý kiến, yêu cầu của ông M và tại phiên tòa hôm nay, bà L vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện, ông Đoàn V M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn T L. Bà L có nơi cư trú tại K, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "không công nhận vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên toà hôm nay, ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà L.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn V M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn T L. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L tự tìm hiểu, quen biết và đã chính thức sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng từ đó đến nay không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của ông M cho bà Nguyễn T L được biết. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà L hai lần để hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng bà L đều vắng mặt không lý do cũng không có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông M. Bà L đã biết việc ông M khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà nhưng bà không có ý kiến phản đối yêu cầu đó.

Tại đơn xác nhận về việc không đăng ký kết hôn của ông Đoàn V M ngày 10/10/2022, Ủy ban nhân dân thị trấn M cũng xác định ông M, bà L không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông M và bà L chỉ sống chung như vợ chồng nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, trong khi cả hai người đều có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L là vợ chồng.

[4] *Về con chung:* ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L có con chung là anh Đoàn V T, sinh năm 1995 hiện đã thành niên, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung:* Ông Đoàn V M xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Ông Đoàn V M xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí:* Ông Đoàn V M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 9, 14, 51, 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 39, 47, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L có con chung là anh Đoàn V T, sinh năm 1995 đã thành niên, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Ông Đoàn V M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003239 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như ông M đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn V M và bà Nguyễn T L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND TT. M;
- Các đương sự:
 - + Đoàn V M;
 - + Nguyễn T L.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu

